

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THỌ NGỌC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Thọ Ngọc, ngày 04 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách xã
6 tháng cuối năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THỌ NGỌC
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ II**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 655/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách



địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 656/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông báo số 5772/TB-STC ngày 29/6/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025, xã Thọ Ngọc; Báo cáo thẩm tra số 01/BC-KTNS ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025.

Điều 1. Quyết định phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025, với nội dung sau:

I. DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2025:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn:	230.457 triệu đồng
Trong đó:	
- Thu tiền sử dụng đất:	65.716 triệu đồng
- Thu nội địa còn lại:	164.741 triệu đồng
2. Tổng nguồn thu ngân sách xã:	181.772 triệu đồng
Trong đó:	
2.1. Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp:	24.288 triệu đồng
2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh:	157.114 triệu đồng
a) Thu bổ sung cân đối:	143.127 triệu đồng

b) Thu bổ sung có mục tiêu:	13.987 triệu đồng
2.3. Thu chuyển nguồn CCTL:	370 triệu đồng

II. DỰ TOÁN CHI NSDP

Tổng chi NSDP năm 2025: 167.785 triệu đồng

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển (từ nguồn thu tiền sử dụng đất): 22.708 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 142.817 triệu đồng

- Chi sự nghiệp kinh tế:	21.772 triệu đồng
- Chi quốc phòng - an ninh địa phương:	1.793 triệu đồng
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	70.494 triệu đồng
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:	8.164 triệu đồng
- Chi quản lý hành chính:	25.681 triệu đồng
- Chi sự nghiệp VH TT, TDTT, PTTT:	591 triệu đồng
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:	12.459 triệu đồng
- Chi sự nghiệp môi trường:	283 triệu đồng
- Chi khác ngân sách:	1.580 triệu đồng
3. Dự phòng ngân sách:	2.260 triệu đồng

(Chi tiết theo các Phụ lục kèm theo).

C. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSX 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Tổng chi NSX 6 tháng cuối năm 2025: 86.566 triệu đồng.

I. Chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2025 (từ nguồn thu tiền sử dụng đất) 17.181 triệu đồng

II. Chi thường xuyên: 67.585 triệu đồng

Bao gồm:

1. Chi sự nghiệp kinh tế: 220 triệu đồng

2. Chi sự nghiệp môi trường:	33 triệu đồng
3. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:	33.949 triệu đồng
4. Chi sự nghiệp VH TT, TDTT, PTTT:	227 triệu đồng
5. Chi sự nghiệp y tế dân số và gia đình	2.961 triệu đồng
6. Chi đảm bảo xã hội:	10.840 triệu đồng
7. Chi Quản lý hành chính:	13.114 triệu đồng
8. Chi an ninh:	801 triệu đồng
9. Chi quốc phòng:	50 triệu đồng
10. Chi khác:	590 triệu đồng
III. Chi dự phòng:	1.800 triệu đồng

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân xã căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2025.

Nghị quyết này được HĐND xã khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 nhất trí thông qua tại kỳ họp thứ II ngày 04 tháng 9 năm 2025.

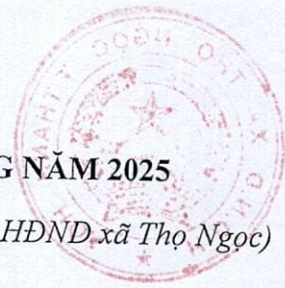
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- T. trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã Thọ Ngọc;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VP.



CHỦ TỊCH

Lê Thị Sen



Phụ lục 01: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

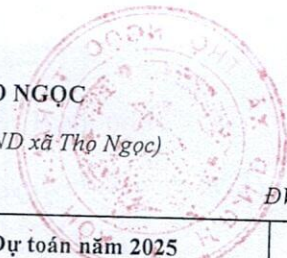
(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/9/2025 của HĐND xã Thọ Ngọc)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán xã giao năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	<u>181.772</u>	
1	Thu NS xã hưởng theo phân cấp	24.288	
1.1	Các khoản thu NS hưởng 100%	429	
1.2	Các khoản thu NS phân chia %	23.859	
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	157.114	
3	Thu CCTL còn dư năm 2024 chuyển sang	370	
B	CHI NGÂN SÁCH XÃ	<u>181.772</u>	
1	Chi đầu tư	22.708	
2	Chi thường xuyên	142.817	
3	Dự phòng	2.260	
4	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	13.987	



Phụ lục 02: DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2025 XÃ THỌ NGỌC
(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/9/2025 của HĐND xã Thọ Ngọc)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 tỉnh giao			Dự toán năm 2025 xã giao			Ghi chú
		Tổng thu NSNN	NS TW, tỉnh	Trong đó: Thu điều tiết ngân sách xã	Tổng thu NSNN	NS TW, tỉnh	Trong đó: Thu điều tiết ngân sách xã	
1	2	3	4	5	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN	207.484	39.496	167.988	230.457	48.685	181.772	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BẢN	50.000	39.496	10.504	72.973	48.685	24.288	
I	Chi cục thuế thu	0	0	0	0	0	0	
1	Tiền thuê đất		0	0		0	0	
II	Xã thu	50.000	39.496	10.504	72.973	48.685	24.288	
1	Thu từ thuế	1.833	1.036	797	1.833	1.036	797	
1.2	Thu ngoài quốc doanh	455	362	93	455	362	93	
1.2	Thuế SD đất phi NN	170	5	165	170	5	165	
1.3	Thuế thu nhập cá nhân	1.078	539	539	1.078	539	539	
1.4	Thu khác ngoài quốc doanh	130	130		130	130		
2	Các khoản phí, lệ phí	3.495	3.061	434	3.495	3.061	434	
2.1	Lệ phí trước bạ	3.415	3.061	354	3.415	3.061	354	
2.2	Các loại phí lệ phí	80		80	80		80	
4	Các khoản thu khác còn lại	42.743	33.819	8.924	65.716	43.008	22.708	
4.1	Thu tiền thuê mặt đất mặt nước		0	0		0	0	
4.2	Tiền sử dụng đất	42.743	33.819	8.924	65.716	43.008	22.708	
5	Thu khác ngân sách	1.580	1.580		1.580	1.580		
6	Thu thường xuyên tại xã	349		349	349		349	
B	THU TRỢ CẤP NS CẤP TRÊN	157.114	0	157.114	157.114	0	157.114	
1	Thu trợ cấp cân đối	143.127		143.127	143.127		143.127	
2	Thu bổ sung mục tiêu	13.987		13.987	13.987		13.987	
C	THU CHUYỂN NGUỒN CCTL CÒN DƯ NĂM 2024 CHUYỂN SANG	370		370	370		370	



Phụ lục 03: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THỌ NGỌC
(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/9/2025 của HĐND xã Thọ Ngọc)



ĐVT: Triệu đồng

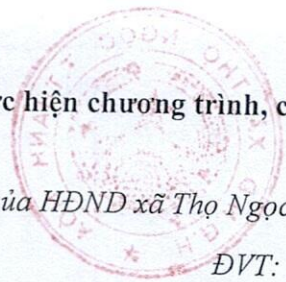
TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2025	Dự toán xã giao năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
Tổng cộng		154.001	167.785	
I	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền SD đất	8.924	22.708	
II	Chi thường xuyên	142.817	142.817	
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	21.772	21.772	
2	Chi sự nghiệp môi trường	283	283	
3	Chi sự nghiệp giáo dục và Đào tạo	70.494	70.494	
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT - TDTT - TT - Truyền thông	591	591	
5	Chi sự nghiệp Y tế	8.164	8.164	
6	Chi Đảm bảo xã hội	12.459	12.459	
7	Chi quản lý hành chính	25.681	25.681	
8	An ninh	1.593	1.593	
9	Quốc phòng	200	200	
10	Chi khác	1.580	1.580	
III	Dự phòng	2.260	2.260	





Phụ lục 04: Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh để thực hiện chương trình, chính sách, nhiệm vụ xã Thoy Ngoc

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/9/2025 của HĐND xã Thoy Ngoc)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
	Tổng cộng	13.987	
1	Kinh phí đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.500	
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Quảng, xã Thoy Tiên, huyện Triệu Sơn	3.500	
2	Chính sách xây dựng nông thôn mới (Vốn đối ứng)	2.400	
2.1	Hỗ trợ xã đạt chuẩn	2.400	
-	Xã Thoy Cường	800	
	Xã Thoy Tiên	800	
	Xã Xuân Thọ	800	
3	Kinh phí tuyển dụng giáo viên hợp đồng theo ND số 111/2022/ND-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; một số chế độ, chính sách giáo dục và nhiệm vụ phát sinh khác	55	
-	Kinh phí dạy thêm ôn thi tốt nghiệp lớp 9 THCS và ôn thi tốt nghiệp lớp 12 THPT (dạy vượt giờ) năm 2025	55	
4	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	24	
5	Tăng cường cơ sở vật chất ngành văn hóa	3.000	
	Phục hồi, tư bổ, bảo quản và phát huy giá trị Di tích lịch sử cách mạng khu lưu niệm Hội văn nghệ Việt Nam (thời kỳ 1947-1954) tại làng Quần Tín, xã Thoy Cường, huyện Triệu Sơn	3.000	

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
6	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu QG xây dựng nông thôn mới năm 2025 (Vốn sự nghiệp ngân sách TW bổ sung)	2.020	
-	Hỗ trợ nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	2.000	
-	Hỗ trợ nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	20	
7	Kinh phí thực hiện một số chính sách ASXH	2.988	
-	Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ, mai táng phí	2.299	
-	Chính sách hỗ trợ người đóng BHXH tự nguyện theo Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2025	269	
-	Chính sách sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 249/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh (bao gồm kinh phí thiếu năm 2023,2024)	369	
-	Chính sách hỗ trợ người thuộc hộ gia đình cận nghèo tham gia BHYT theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh	51	

